

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 19-01-2026

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Thành

Bà Nguyễn Thị Bắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Sâm - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 258/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị N**, sinh năm 1993 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố G, phường C, tỉnh Bắc Ninh.

Căn cước công dân số: 024193002370

- Bị đơn: Anh **Hoàng Văn M**, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố G, phường C, tỉnh Bắc Ninh.

Số căn cước công dân: 024084003283

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn M được tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương và cùng nhau đăng

ký kết hôn số 61/quyển số 01/2012 ngày 29/5/2012 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là phường C, tỉnh Bắc Ninh). Sau ngày cưới chị về gia đình nhà chồng làm dâu và sống chung cùng anh Hoàng Văn M, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Đến khoảng tháng 11/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng hàng ngày thường xuyên cãi chửi nhau, không tôn trọng lẫn nhau và không có hạnh phúc. Tháng 6/2025 chị về bên nhà bố mẹ đẻ (cùng thôn) ở, vợ chồng cũng ly thân nhau từ đó cho đến nay không quan hệ tình cảm gì nữa. Trong thời gian chị về bên ngoại ở, gia đình nhà chồng và anh M không ý kiến gì. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Hoàng Văn M.

Về con chung: Vợ chồng chị sinh được 03 người con gồm: Hoàng Thu H, sinh ngày 06/8/2012; Hoàng Thanh T, sinh ngày 09/9/2014; Hoàng Việt Q, sinh ngày 12/10/2016 hiện cả 03 cháu đang ở cùng anh M. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Thanh T. Anh Hoàng Văn M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục các con Hoàng Thu H, sinh ngày 06/8/2012 và cháu Hoàng Việt Q, sinh ngày 12/10/2016. Về cấp dưỡng nuôi con chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Điều không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

** Bị đơn anh Hoàng Văn M trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 14/11/2025:* Anh và chị Phạm Thị N được tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương và cùng nhau đăng ký kết hôn ngày 29/5/2012 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là phường C, tỉnh Bắc Ninh). Sau ngày cưới chị N về làm dâu và sống chung cùng anh, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hàng ngày, đến tháng 9/2025 chị N bỏ nhà về bên nhà mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay. Trong thời gian chị N về nhà mẹ đẻ ở thỉnh thoảng anh cũng gọi điện thoại bảo chị N về đoàn tụ gia đình, nhưng chị N không về. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nguyện vọng của anh mong muốn chị N về đoàn tụ vợ chồng, còn nếu không đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng anh sinh được 03 người con là Hoàng Thu H, sinh ngày 06/8/2012; Hoàng Thanh T, sinh ngày 09/9/2014; Hoàng Việt Q, sinh ngày 12/10/2016, hiện cả 03 cháu đang do anh nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung Hoàng Thu H, sinh ngày 06/8/2012 và cháu Hoàng Việt Q, sinh ngày

12/10/2016. Chị Phạm Thị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Thanh T. Về cấp dưỡng nuôi con anh không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật. Anh Hoàng Văn M có đơn xin vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Phạm Thị N và bị đơn anh Hoàng Văn M đều vắng mặt, Hội đồng xét xử công bố tóm tắt lời khai của chị Phạm Thị N và anh Hoàng Văn M đã có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự: Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 6, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Hoàng Văn M.

- Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Hoàng Thanh T, sinh ngày 09/9/2014; giao cho anh Hoàng Văn M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng con chung Hoàng Thu H, sinh ngày 06/8/2012; Hoàng Việt Q, sinh ngày 12/10/2016.

- Do các đương sự không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung, công nợ chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị N có đơn xin ly hôn, giải quyết về nuôi con đối với anh Hoàng Văn M. Bị đơn anh Hoàng Văn M có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố G, phường C, tỉnh Bắc Ninh. Hội đồng xét xử xác định: Về quan hệ pháp luật đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn và con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị N và bị đơn anh Hoàng Văn M vắng mặt, nhưng chị N và anh M đều đã có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt chị Phạm Thị N và anh Hoàng Văn M.

[3] Xét quan hệ hôn nhân thì thấy: Chị Phạm Thị N kết hôn với anh Hoàng Văn M trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là phường C, tỉnh Bắc Ninh) vào ngày 29 tháng 5 năm 2012. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị N và anh Hoàng Văn M là hợp pháp, đúng quy định pháp luật.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thấy rằng: Cả chị N và anh M đều xác định sau khi kết hôn hai người chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng dần dần phai nhạt và không quan tâm đến nhau. Vợ chồng sống ly thân mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Anh M cho rằng vẫn còn tình cảm với chị N nhưng quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải về tình cảm vợ chồng giữa các đương sự nhiều lần nhưng bị đơn là anh M không có thiện chí đến hòa giải, cũng không tìm cách động viên chị N về đoàn tụ và hai người vẫn sống ly thân, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Ngoài ra, qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của bị đơn được biết: Giữa chị N và anh M đã mâu thuẫn từ lâu, hai người không còn chung sống cùng nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh M đã mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Xác nhận chị Phạm Thị N và anh Hoàng Văn M có 03 người con chung là Hoàng Thu H, sinh ngày 06/8/2012; Hoàng Thanh T, sinh ngày 09/9/2014; Hoàng Việt Q, sinh ngày 12/10/2016 hiện cả 03 cháu anh M đang trông nom. Sau khi ly hôn chị Phạm Thị N có nguyện vọng được trông

nom, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Hoàng Thanh T, sinh ngày 09/9/2014; anh Hoàng Văn M có nguyện vọng trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục các con Hoàng Thu H, sinh ngày 06/8/2012 và Hoàng Việt Q, sinh ngày 12/10/2016. Cháu H và cháu Q đều có nguyện vọng ở với bố, cháu T có nguyện vọng ở với mẹ. Hội đồng xét xử thấy, cần tôn trọng nguyện vọng của các cháu và giữa chị N và anh M. Giao cháu Hoàng Thanh T, sinh ngày 09/9/2014 cho chị Phạm Thị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật. Giao các con chung Hoàng Thu H, sinh ngày 06/8/2012 và Hoàng Việt Q, sinh ngày 12/10/2016 cho anh Hoàng Văn M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật.

Sau khi ly hôn chị Phạm Thị N và anh Hoàng Văn M có quyền thăm nom các con chung không trực tiếp ở với mình không ai được cản trở là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phạm Thị N và anh Hoàng Văn M, không đề nghị xem xét, giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Hoàng Văn M.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Thanh T, sinh ngày 09/9/2014 cho chị Phạm Thị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật.

Giao các cháu Hoàng Thu H, sinh ngày 06/8/2012 và Hoàng Việt Q, sinh ngày 12/10/2016 cho anh Hoàng Văn M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị Phạm Thị N và anh Hoàng Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung không trực tiếp ở với mình mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004343 ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị Phạm Thị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Phạm Thị N và bị đơn anh Hoàng Văn M không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 5;
- Phòng THADS khu vực 5;
- UBND phường Chũ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Dương Văn Hải